

FADITAC inj

(Famotidin 20mg)

Rx Thuốc bán theo đơn. Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ. Để xa tầm tay của trẻ em.

THÀNH PHẦN

Mỗi lọ bột thuốc chứa:

Famotidin 20 mg

Tá dược: Manitol, acid aspartic.

Mỗi ống dung môi 5 ml chứa:

Natri clorid 45 mg

Tá dược: Nước cất pha tiêm.

DƯỢC LỰC HỌC

Famotidin ức chế cạnh tranh tác dụng của histamine ở thụ thể H₂, tế bào vách, làm giảm tiết và giảm nồng độ acid dạ dày cả ngày và đêm, và cả khi bị kích thích do thức ăn, histamine hoặc pentagastrin. Hoạt tính đối kháng histamine ở thụ thể H₂ của famotidin phục hồi chậm, do thuốc tách chậm khỏi thụ thể. Famotidin có hoạt lực mạnh hơn gấp 20 – 150 lần so với cimetidin và 3 – 20 lần so với ranitidin trong ức chế tiết acid dạ dày.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Famotidin được hấp thu không hoàn toàn ở đường tiêu hóa và sinh khả dụng khoảng 40 – 45%. Famotidin chuyển hóa ít ở pha đầu, nồng độ tối đa trong huyết tương đạt trong 1 – 3 giờ. Nồng độ thuốc trong huyết tương sau khi dùng nhiều liều cũng tương đương như dùng liều đơn. 15 – 20% famotidin liên kết với protein huyết tương. Thời gian bán thải: 2,5 – 3,5 giờ. Thải trừ qua thận 65 – 70% và qua đường chuyển hóa 30 – 35%. 25 – 30% liều uống và 65 – 70% liều tiêm tĩnh mạch có trong nước tiểu dưới dạng không biến đổi. Chất chuyển hóa duy nhất xác định được ở người là S-oxid. Ở người suy thận nặng, độ thanh thải creatinin dưới 10 ml/phút, thời gian bán thải có thể hơn 20 giờ, vì vậy cần điều chỉnh liều hoặc khoảng cách giữa các liều dùng.

CHỈ ĐỊNH

FADITAC inj chỉ định dùng khi người bệnh tăng tiết dịch vị bệnh lý hay loét dai dẳng hoặc thay thế cho dạng uống để điều trị trong thời gian ngắn khi người bệnh không thể uống trong các trường hợp:

- Loét dạ dày hoạt động lành tính, loét tá tràng hoạt động.
- Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản.
- Bệnh lý tăng tiết đường tiêu hóa như hội chứng Zollinger-Ellison.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH SỬ DỤNG

Liều thường dùng là 20 mg famotidin tiêm tĩnh mạch mỗi 12 giờ một lần.

Hội chứng Zollinger-Ellison: liều khởi đầu là 20 mg tiêm tĩnh mạch, mỗi 6 giờ tiêm một lần, sau đó liều lượng tùy thuộc vào lượng acid tiết ra và tình trạng của bệnh nhân.

Cách dùng:

- Tiêm tĩnh mạch: Hòa loãng lọ bột đồng khô 20 mg famotidin với 5 ml hoặc 10 ml natri clorid 0,9%, tiêm tĩnh mạch chậm ít nhất là 2 phút.
- Truyền tĩnh mạch: Pha loãng 1 lọ bột đồng khô 20 mg famotidin với 50 ml natri clorid 0,9%, hoặc với 100 ml glucose

5% truyền trong khoảng từ 15 đến 30 phút.

Chỉ pha dung dịch ngay trước khi dùng. Dung dịch sau khi pha bền vững trong 48 giờ ở nhiệt độ phòng.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với hoạt chất hay bất cứ thành phần nào của thuốc.
Trẻ em.

THẬN TRỌNG

Trước khi dùng famotidin cho những bệnh nhân bị loét dạ dày, nên loại trừ khả năng bị ác tính, do famotidin có thể che giấu triệu chứng và làm trì hoãn việc chẩn đoán.

Trường hợp suy gan, cần phải dùng liều thấp hơn, dùng theo chỉ định của bác sĩ.

Famotidin được dùng thận trọng ở người suy thận do thuốc thải trừ chủ yếu qua thận. Cần giảm liều hoặc tăng khoảng cách giữa các liều dùng.

Nên ngưng thuốc nếu vẫn còn các triệu chứng ợ nóng, tăng tiết acid dịch vị, xót rát dạ dày sau khi đã điều trị thuốc liên tục 2 tuần mà không khỏi.

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Thời kỳ mang thai:

Thuốc chỉ được dùng cho phụ nữ mang thai khi thật cần thiết.

Thời kỳ cho con bú:

Famotidin có bài tiết qua sữa mẹ. Người mẹ nên ngưng cho con bú trong thời kỳ dùng thuốc hoặc ngưng dùng thuốc.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Do famotidin làm tăng pH dạ dày, nên sự hấp thu ketoconazol có thể giảm nếu sử dụng đồng thời.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Nhức đầu, mệt mỏi, buồn nôn và nôn, mất cảm giác thèm ăn, tiêu chảy, táo bón, khô miệng. Hiếm gặp đau cơ, rối loạn tạo máu, khô da.

Thông báo cho thấy thuốc tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ XỬ TRÍ

Chưa gặp quá liều cấp. Ở người bệnh tăng tiết dịch vị bệnh lý đã uống tới 800 mg famotidin/ngày cũng chưa thấy xảy ra các biểu hiện ngộ độc nặng.

Điều trị: biện pháp thông thường là loại thuốc chưa hấp thu càng nhanh càng tốt khỏi đường ruột. Điều trị triệu chứng và hỗ trợ cần tiến hành ngay. Giám sát lâm sàng.

HẠN DÙNG 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

BẢO QUẢN Nơi khô, mát (dưới 30°C). Tránh ánh sáng.

TIÊU CHUẨN TCCS.

TRÌNH BÀY Hộp 5 lọ và 5 ống dung môi.

CÔNG TY CỔ PHẦN PYMEPHARCO

166 - 170 Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, Phú Yên, Việt Nam